

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2018/DS-ST
Ngày: 11-12-2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp
hụi giữa chị H với bà Y.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 241/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 170/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị H T M H, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp V P, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 08-01-2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị H T M H trình bày: Chị có tham gia chơi các dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau:

+Dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 25-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 25-10-2016, tổng số 20 phần, chị tham gia 1

phần, lấy tên vợ T trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 16 ngày 25-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-01-2018 thì bà Y tuyên bố bãi hội, chị đóng 1 phần hội sống 15 lần là 10.670.000đ.

+Dây hội 1.000.000đ, hội kỳ, 15 ngày khai một lần, khai lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, chị tham gia 2 phần, lấy tên vợ T trong danh sách hội, 1 phần hội chị đã hốt ở kỳ khai hội thứ 14 ngày 30-6-2017 âm lịch nhằm ngày 21-8-2017, bỏ lời hốt hội 250.000đ; còn lại 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 23 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì bà Y tuyên bố bãi hội, chị đóng 1 phần hội sống 22 lần là 16.510.000đ. Tổng cộng 1 phần hội sống chị đóng hội sống là 16.510.000đ. 1 phần hội chết chị đóng hội sống là 9.980.000đ, chị hốt hội được 28.750.000đ trả huê hồng cho bà Y 500.000đ, còn lại 28.250.000đ; chị đóng 8 lần hội chết là 8.000.000đ, còn lại 13 lần hội chết chị không đóng hội chết.

+Dây hội 1.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 10-5-2017 âm lịch, nhằm ngày 04-6-2017, tổng số 25 phần, chị tham gia 1 phần, lấy tên vợ T trong danh sách hội, 1 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 8 ngày 10-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 27-12-2017 thì bà Y tuyên bố bãi hội, chị đóng 1 phần hội sống 7 lần là 5.040.000đ.

Sau khi bà Y tuyên bố bãi hội chị và bà Y đã gặp nhau tính toán lại hội sống, hội chết. Bà Y xác nhận còn nợ chị là 25.000.000đ, bà Y có lập biên nhận do chị viết, bà Y ký tên, điểm chỉ xác nhận, bà Y hẹn trả vào ngày 30-12-2017 âm lịch nhưng không thực hiện.

Nay chị yêu cầu bà P T Y trả lại chị tiền nợ hội là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà P T Y, nhưng bà Y vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng

Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471; Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hội.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của chị H T M H ngày 18-9-2018 và Giấy nhận nợ của bà P T Y ngày 22-12-2017. Ngày 08-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn chị H và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hội, việc góp hội này đã không kết thúc mà bị bế hội vào tháng 11/2017 âm lịch. Tại đơn khởi kiện chị H trình bày bà Y còn nợ tiền đóng hội của chị là 31.000.000đ và yêu cầu bà Y trả lại số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị H chỉ yêu cầu bà Y trả lại số tiền nợ hội theo Giấy nhận nợ của bà P T Y ngày 22-12-2017 là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không tranh chấp hiệu lực của các hợp đồng góp hội; nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hội, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của các hợp đồng góp hội.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn chị H T M H*: Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, dẫn đến các dây hội bị bế hội. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hội 25.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y*: Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp chứng cứ, không tham

gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng phí đã nộp.

Do bị đơn phải trả lại nguyên đơn 25.000.000đ nên bị đơn phải chịu 1.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị H T M H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-12-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 429; Điều 471; Điểm b, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H T M H.

[2] Buộc bị đơn bà P T Y phải trả một lần cho nguyên đơn chị H T M H số tiền đóng hội sống còn nợ là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn chị H T M H 775.000đ (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003568 ngày 10-7-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị H T M H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-12-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà